

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số 03/2023/NSHCBM

I. Thông tin về tổ chức, các nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Hợp tác xã nông sản hữu cơ Bình Minh**

Địa chỉ: thôn Nhùng Dàm xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Điện thoại: 0369 926 555 ; 0387.069.222

Email: htxhuucobinhminh@gmail.com

Website: nongsanhuucobinhminh.com

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 500092937 do Phòng Tài Chính – Kế hoạch UBND huyện Yên Sơn cấp lần đầu ngày 08/6/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/02/2024.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/2024/NNPTNT-YS do Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Yên Sơn cấp ngày 26/3/2024, có hiệu lực đến ngày 30/8/2026.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Trà ổi Bình Minh

2. Thành phần: Trái ổi, Lá ổi, Cỏ ngọt.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Trà Ổi Bình Minh được đóng gói trong túi lọc 4,5gram/túi; 10 túi hoặc 20 túi lọc được đóng trong túi bóng màng bạc đóng kín có chất liệu MPET/PE và được đặt trong hộp giấy có bọc túi bóng ni lông trắng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Tại địa điểm Văn phòng đại diện HTX: Thôn Đồng Cầu, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Điện thoại: 0369 926 555

III. Mẫu mã sản phẩm/ Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

(Có mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Hợp tác xã nông sản hữu cơ Bình Minh đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7975: 2008 Chè Thảo mộc túi lọc.
- QCVN 8-2:2011.BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Yên Sơn, ngày 18 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hà



Mã số/ Code: DV142510172/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : HỢP TÁC XÃ NÔNG SẢN HỮU CƠ BÌNH MINH
- Địa chỉ/ Address : Thôn Nhùng Dàm, Xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : TRÀ ỔI BÌNH MINH
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 30g/túi. Số lượng: 07 túi
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 01/12/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 01/12/2025-15/12/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/12/2025



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	286,7	VNT.H.03.Fo.277
2	Protein	g/100g	6,97	TCVN 10034:2013
3	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	63,67	VNT.H.03.Fo.187
4	Béo tổng	g/100g	0,46	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	2,39	TCVN 10916:2015
6	Chì (Pb)	mg/kg	1,66	TCVN 10912:2015
7	Cadimi (Cd)	mg/kg	< LOQ = 0,03	TCVN 10912:2015
8	Arsen (As)	mg/kg	< LOQ = 0,15	TCVN 10912:2015
9	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05	TCVN 10912:2015
10	Cypermethrin	mg/kg	0,48	AOAC 2007.01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142510172/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
12	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	7,9 x 10 ³	TCVN 4884-1:2015
13	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
14	Tổng số nấm men *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
15	Tổng số nấm mốc *	CFU/g	3,0 x 10 ³	TCVN 8275-2:2010
16	Salmonella spp. *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2011

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ 09/2023/NSHCBM

I. Thông tin về tổ chức, các nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Hợp tác xã nông sản hữu cơ Bình Minh**

Địa chỉ: thôn Nhùng Dàm xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Điện thoại: 0369 926 555; 0387.069.222

Email: htxhuucobinhminh@gmail.com

Website: nongsanhuucobinhminh.com

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 500092937 do Phòng Tài Chính – Kế hoạch UBND huyện Yên Sơn cấp lần đầu ngày 08/6/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/02/2024.

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/2024/NNPTNT-YS do Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Yên Sơn cấp ngày 26/3/2024, có hiệu lực đến ngày 30/8/2026.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Hoa đu đủ đực ngâm mật ong

2. Thành phần: Hoa đu đủ đực, mật ong

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Hỗn hợp Hoa đu đủ đực và Mật ong được đựng bằng Hũ thủy tinh và Hộp nhựa.

- Quy cách đóng gói: Hũ thủy tinh 500ml (710g); 350ml (500g); 180ml (260g).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Tại địa điểm Văn phòng đại diện HTX: Thôn Đồng Cầu, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Điện thoại: 0369 926 555 .

III. Mẫu mã sản phẩm/ Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

(Có mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Hợp tác xã nông sản hữu cơ Bình Minh sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011.BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Theo QCVN 8-3:2012.BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Yên Sơn, ngày 18 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hà

MẪU NHÃN

HOA ĐU ĐỦ NGÂM MẬT ONG BÌNH MINH
(Kèm theo Bản tự công bố sản phẩm số 09/2023/NSHCBM)

MẪU NHÃN (1.1)

Sử dụng cho Hũ thủy tinh 500ml (710g)

7x7.5cm



MẪU NHÃN (1.2)

Hộp đựng Hũ thủy tinh 500ml (710g)



MẪU NHÃN

HOA ĐU ĐỦ NGÂM MẬT ONG BÌNH MINH
(Kèm theo Bản tự công bố sản phẩm số 09/2023/NSHCBM)

MẪU NHÃN (2.1)

Sử dụng cho Hũ thủy tinh 350ml (500g)

24.8x3.8cm



MẪU NHÃN (2.2)

Hộp đựng Hũ thủy tinh 350ml (500g)





Mã số/ Code: DV142510172/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : **HỢP TÁC XÃ NÔNG SẢN HỮU CƠ BÌNH MINH**
- Địa chỉ/ Address : **Thôn Nhùng Dàm, Xã Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : **HOA ĐU ĐỦ ĐỰC NGÂM MẬT ONG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu đựng trong hũ thủy tinh, nắp kín. Khối lượng: 500g/hũ. Số lượng: 01 hũ**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : **01/12/2025**
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : **Không có mẫu lưu**
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : **01/12/2025-15/12/2025**
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : **15/12/2025**



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	267,58	VNT.H.03.Fo.277
2	Protein	g/100g	1,51	TCVN 5265:1990
3	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	63,18	VNT.H.03.Fo.187
4	Béo tổng	g/100g	0,42	VNT.H.03.Fo.09
5	Natri (Na)	mg/100g	12,96	TCVN 10916:2015
6	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
7	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
8	Chì (Pb)	mg/kg	0,17	TCVN 10912:2015
9	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142510172/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
10	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
11	Vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7902:2008
12	<i>Salmonella spp.</i> *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
13	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	KPH (LOD = 10)	AOAC 975.55
14	Tổng số nấm men *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-1:2010
15	Tổng số nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-1:2010

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp



ThS. TRINH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.